

Số: 3160 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v tạm ứng ngân sách tỉnh năm 2016 cho các đơn vị và các huyện, thị xã, thành phố để chi trả chính sách tinh giản biên chế (đợt II) theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11, ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP, ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước; Thông tư số 59/2003/TT-BTC, ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC, ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, ngày 07/6/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 4662/BTC-NSNN, ngày 07/4/2016 của Bộ Tài chính về việc tạm cấp kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt 1 năm 2016; Công văn số 10986/BTC-NSNN, ngày 09/8/2016 của Bộ Tài chính về việc tạm cấp kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt 1 và đợt 2 năm 2016;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 429/TTr-STC ngày 13/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm ứng ngân sách tỉnh năm 2016 cho các đơn vị cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố, số tiền: 4.137.893.000 đồng (Bốn tỷ, một trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi ba ngàn đồng), từ nguồn tạm cấp của Trung ương: 980.000.000 đồng tại Công văn số 4666/BTC-NSNN ngày 07/4/2016, Công văn số 10986/BTC-NSNN của Bộ Tài chính và nguồn ngân sách tỉnh: 3.157.893.000 đồng, để chi trả chính sách tinh giản biên chế năm 2015, 2016 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ (chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Tài chính lập thủ tục cấp tạm ứng kinh phí cho các đơn vị cấp tỉnh. Đồng thời, tham mưu UBND tỉnh chuyển từ tạm ứng thành cấp phát ngân sách vào cuối năm 2016, khi Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh.

UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện rút tạm ứng kinh phí theo quy định tại Thông tư số 206/2015/TT-BTC ngày 24/12/2015 của Bộ Tài chính. Đồng thời, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí trên theo đúng chế độ quy định hiện hành.



Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có tên ghi tại Điều 1 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (J 35b).

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

(Phụ lục 01)

DANH SÁCH TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ ĐỢT 1 NĂM 2016 (đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số 3160/QĐ-UBND, ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh)

ĐVT: Ngàn đồng

ST T	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Thời điểm tính giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí để hưởng chế độ	Lý do tính giản	
							Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ Thói việc ngay	Thời việc sau khi đi học nghề			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
KHỐI SỰ NGHIỆP												
I Huyện Krông Pắc												
1	Trần Thị Cương	Nữ	10/03/1964	Trung cấp Sư phạm	Giáo viên tiểu học	30/3/2016	x				90.224	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
2	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Nữ	10/04/1964	Cao đẳng Sư phạm	Giáo viên Trung học cơ sở	30/3/2016	x				99.712	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
II Thị xã Buôn Hồ												
3	Y Khuôn Ayun	Nam	04/9/1960	Cao đẳng sư phạm Lý - Kỹ thuật công nghệ	Giáo viên trường THCS Ngô Quyền	01/5/2016	X				131.694	Điểm B, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
III Huyện Ea H'Leo												
4	Võ Văn Vĩnh	Nam	16/11/1957	Trung cấp	Nhân viên Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	30/2/2016	x				-	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
5	Phạm Thị Hoàng Dung	Nữ	30/12/1963	Sơ cấp	Kế toán tiểu học	15/03/2016	x				75.918	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
6	Nguyễn Thị Hương	Nữ	14/07/1964	Trung cấp	Giáo viên	30/04/2016	x				103.484	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
7	K pã Y Khen	Nam	23/11/1960	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học	17/02/2016	x				153.693	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
8	Chu Thị Thơm	Nữ	16/10/1965	Trung cấp	Giáo viên	19/02/2016	x				119.795	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108

9	Trần Công Sự	Nam	10/03/1964	Cao đẳng	Kế toán	15/02/2016					53.735	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
IV Huyện Krông Ana												
10	Tào Thị Chung	Nữ	10/03/1963	Sơ cấp sư phạm mầm non	Giáo viên trường Mẫu giáo Hoa Phượng	01/03/2016	x				81.690	Điểm C, khoản 1, Điều 6, NĐ 108
V Huyện Cư Kuin												
11	Nguyễn Thế Kiên	Nam	10/10/1957	Sơ cấp	Văn thư trường tiểu học Quang Trung	01/04/2016	X				0	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
VI Thành phố Buôn Ma Thuật												
12	Hoàng Thị Đoài	Nam	10/10/1965	Trung cấp	Giáo viên trường mầm non Tự An	15/3/2016	X				109.319	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
13	Võ Quốc Trà	Nam	01/6/1958	Đã học xong chương trình đại học sư phạm ngữ văn (năm 1998), nhưng chưa tốt nghịệp	Phó hiệu trưởng trường tiểu học Hoàng Hoa Thám	15/3/2016	X				131.236	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
14	Hoàng Thị Liên	Nữ	10/2/1963	cao đẳng	Giáo viên trường THCS Nguyễn Chí Thanh	15/3/2016	X				0	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
VII SỞ Y TẾ												
15	Đoàn Văn Thủy	Nam	10/10/1960	Sơ cấp	Dược tá	15/03/2016	x				108.941	Điểm C, khoản 1, Điều 6, NĐ 108
16	Lương Văn Nhất	Nam	15/03/1958	Sơ cấp	Dược tá	01/03/2016	x				84.500	Điểm C, khoản 1, Điều 6, NĐ 108
17	Nguyễn Thị Thành Chung	Nữ	04/8/1964		Hộ lý	01/04/2016	x				54.992	Điểm E, khoản 1, Điều 6, NĐ 108
18	Y Bruk Mlô	Nam	20/04/1959	Sơ cấp	Điều dưỡng	15/03/2016	x				71.231	Điểm C, khoản 1, Điều 6, NĐ 108

19	Nguyễn Thanh Bình	Nam	03/12/1961	Sơ cấp	Điều dưỡng	01/04/2016	x				0	Điểm C, khoản 1, Điều 6, NĐ 108
20	Phan Thị Thu Hoa	Nữ	08/09/1963	Y sỹ đa khoa	Điều dưỡng	01/04/2016					73.748	Điểm E, khoản 1, Điều 6, NĐ 108
21	Phùng Minh Quang	Nam	06/11/1959	Trung cấp điều dưỡng	Điều dưỡng	01/04/2016	x				85.113	Điểm E, khoản 1, Điều 6, NĐ 108
VII Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch												
22	Diệp Thế Mỹ	Nam	19/09/1960	Trung cấp Thể dục thể thao	Trưởng phòng chuyên môn Trung tâm phát triển thể thao quần	01/03/2016	x				124.937	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ 108
23	Trịnh Mạnh Hải	Nam	10/05/1960	Đại học Văn hóa	Nhân viên	01/03/2016	x				125.195	Khoản 3, Điều 6, NĐ108
IX Sở Giáo dục và Đào tạo												
24	Phan Thị Oanh	Nữ	20/10/1963	Trung cấp	Cấp dưỡng	15/03/2016	x				41.140	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ 108
25	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	07/10/1964	Đại học	Giáo viên Ngữ văn	15/03/2016	x				127.675	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ 108
26	Hoàng Văn Thư	Nam	02/9/1959	Đại học	Giáo viên Địa lý	15/03/2016	x				150.120	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ 108
27	Hoàng Văn Dậu	Nam	30/12/1959	Đại học	Giáo viên Toán	15/03/2016	x				168.418	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ 108
28	Trương Ký	Nam	15/7/1958	Đại học	Giáo viên Toán	15/03/2016	x				141.240	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ 108

29	Phạm Thị Hóa	Nữ	02/3/1964	Đại học	Giáo viên Ngữ văn	15/03/2016	x				97.668	Điểm E, Khoản 1, Điều 6, NĐ 108
X Trường Cao đẳng VHNT												
30	Đinh Thị Tập	Nữ	20/10/1964	Sơ cấp thống kê	Nhân viên tạp vụ	01/04/2016	X				66.937	Điểm B, Khoản 1, Điều 6, NĐ 108
31	Lê Văn Dũng	Nam	12/06/1960	Nhạc công đệm đàn không bằng cấp chuyên môn, trường hợp có năng lực	Giảng viên	01/04/2016	x				159.669	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ108
XI Trường Cao đẳng nghề Đắk Lắk												
32	Nguyễn Thị Tuyết Nhưng	Nữ	24/12/1961	Cử nhân sư phạm Toán	Trưởng khoa, Khoa KHCB	01/01/2016	x					Điểm B, Khoản 1, Điều 6, NĐ 108
33	Phùng Văn Thợi	Nam	07/01/1957	Công nhân kỹ thuật 2/7	Nhân viên, Phòng CT HSSV	01/01/2016	x					Điểm B, Khoản 1, Điều 6, NĐ 108
34	Bùi Đình Đăng	Nam	19/05/1957	Công nhân kỹ thuật 2/7; GPLX hạng E	Nhân viên, Phòng CT HSSV	01/01/2016	x					Điểm B, Khoản 1, Điều 6, NĐ 108
Tổng cộng: 34 người											2.832.024	

Tổng cộng : 34 người

Tổng số tiền: 2.832.024.000 đồng (Hai tỷ tám trăm ba mươi hai triệu không trăm hai mươi bốn ngàn đồng)

DANH SÁCH TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ ĐỢT II NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 3160/QĐ-UBND, ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh)

ĐVT: Ngàn đồng

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để hưởng chế độ	Lý do tinh giản
							Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc ngay	Thời việc sau khi đi học nghề		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
A KHỐI HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, HUYỆN (04 người)												
A.1 Sở, ban, ngành												
I Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn												
1	Phạm Văn Tồn	Nam	13/01/1959	Đại học Lâm sinh	Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm Krông Pắc	31/10/2016	X				155.271	Điểm G, khoản 1, Điều 6, NĐ 2015 nghị 79 ngày; năm 2016 nghị 61 ngày)
2	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	21/02/1960	Đại học Trồng trọt	Chuyên viên, Văn phòng điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới	31/12/2016	X				126.162	Điểm Đ, khoản 1, Điều 6, NĐ 108
A.2 Huyện, thị xã, thành phố												
I Huyện M'Drắk												
3	Lê Thị Diệu Hương	Nữ	06/11/1964	Nữ hộ sinh sơ cấp	Nhân viên Phòng Y tế huyện M'Drắk	01/7/2016	X				91.132	Điểm C, khoản 1, Điều 6, NĐ 108
II Huyện Krông Ana												
4	Nguyễn Như Trung	Nam	10/02/1959	Trung cấp Lao động tiền lương	Phụ trách công tác lao động việc làm và giảm nghèo - Phòng LĐTB&XH	01/10/2016	X				114.263	Điểm C, khoản 1, Điều 6, NĐ 108
B CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ (06 người)												
I Huyện M'Drắk												

5	Y BLấp Byă	Nam	15/9/1958		Phó Bí thư Đảng ủy xã Krông Jing	03/7/2016	X				38.399	Điểm C, khoản 1, Điều 6, NĐ 108
6	Y DRia Niê	Nam	01/01/1959		Chi huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã Krông Jing	01/11/2016	X				18.730	Điểm C, khoản 1, Điều 6, NĐ 108
7	Lương Văn Viện	Nam	20/8/1958		Chủ tịch UBND xã Krông Á	01/7/2016	X				42.665	Điểm C, khoản 1, Điều 6, NĐ 108
II Huyện Ea Kar												
8	Phạm Đăng Phương	Nam	12/06/1960	Trung cấp lý luận chính trị	Bí thư Đảng ủy xã Ea Tih	03/07/2016	X				64.140	Điểm B, khoản 1, Điều 6 NĐ 108
IV Huyện Krông Búk												
9	Nguyễn Thái Sơn	Nam	15/09/1960	Trung cấp	Phó Chủ tịch UBND xã Ea Ngai	03/07/2016	X				56.870	Điểm B, khoản 1, Điều 6 NĐ 108
10	Y Mía Mlô	Nam	15/06/1960		Bí thư Đảng ủy xã Cư Né	03/07/2016	X				101.068	Điểm B, khoản 1, Điều 6 NĐ 108
C Khối Đảng (Tỉnh ủy)												
11	Trần Ngọc Quang	Nam	16/10/1958	Đại học Công đoàn	HUV, Chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện Ea Hleo	01/7/2016	X				135.297	Điểm đ Khoản 1, Điều 6, NĐ 108
Tổng cộng											943.997	

- Tổng số: 11 người

- Số tiền: 943.997.000 đồng (Chín trăm bốn mươi ba triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn đồng)

(Phụ lục 03)

DANH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ BỔ SUNG NĂM 2015 VÀ ĐỢT 1 NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 3160/QĐ-UBND, ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh)

ĐVT: Ngàn đồng

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Thời điểm tính giảm biên chế (ngày, tháng, năm)	Được hưởng chính sách		Tổng kinh phí đề hưởng chế độ	Lý do tính giảm
							Nghỉ hưu trước tuổi	Thời việc ngay		
1	2	3	4	5	6	7	8	10	12	13
I Huyện Cư Kuin										
1	H' Nô Knul	Nữ	10/11/1962	Trung cấp sư phạm	Giáo viên trường tiểu học Ngô Gia Tự	01/12/2015	X		88.464	Điểm B, Khoản 1, Điều 6, NĐ 108
II Huyện Krông Bông										
2	Trương Thanh Thu	Nam	02/06/1958	Sơ cấp	Nhân viên Thư viện	31/05/2016	X		65.274	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ 108
III Thị xã Buôn Hồ										
3	Trần Thanh Liêm	Nam	10/4/1958	Giấy chứng nhận lớp Công nhân kỹ thuật truyền thanh	Phó Trưởng Đài Truyền thanh - Truyền hình thị xã	01/5/2016	X		107.530	Điểm C, Khoản 1, Điều 6, NĐ 108
IV Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật										
4	Trần Bắc Ái	Nam	10/06/1959	Bằng công nhân sửa ô tô bậc 3/7	Nhân viên kỹ thuật Điện	01/01/2016	X		100.604	Điểm D, Khoản 1, Điều 6, NĐ 108
Tổng cộng									361.872	

- Số người: 04 người

- Số tiền: 361.872.000 đồng (Ba trăm sáu mươi một triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn đồng)